

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2026
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mến.

2. Ông Nguyễn Hải Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Kim Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**

Bị đơn: Anh **Phan Cát L**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày: Chị và anh **Phan Cát L** thành hôn vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống khoảng 20 năm lúc đầu hạnh phúc, sau đó thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phan Cát Lơ**.

Về con chung: Chị và anh **Phan Cát L** có 01 con chung tên **Phan Bá V**, sinh 23/9/2008 hiện đang sống với anh **L**. Chị đồng ý để anh **L** tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Phan Cát L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 331/UBND-VP ngày 16/3/2026 Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến như sau: Ông **Phan Cát L**, sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1984 đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long ngày 13/01/2012. Số đăng ký: 02, Quyền số 01/2012.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** vắng mặt có văn bản xin vắng mặt.

Bị đơn anh **Phan Cát L** vắng mặt không lý do.

Đại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh **Phan Cát L** vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ**.

Về hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị Đ** được ly hôn với anh **Phan Cát Lơ**.

Về con chung: Giao cháu **Phan Bá V**, sinh ngày 23/9/2008 cho anh **Phan Cát L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị **Nguyễn Thị Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Phan Cát L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** và bị đơn anh **Phan Cát L** thành hôn năm 2005, chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày vợ chồng sống chung không có đăng ký kết hôn nhưng tại Công văn số 331/UBND-VP ngày 16/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến như sau: Ông **Phan Cát L**, sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1984 đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, (nay là xã T), tỉnh Vĩnh Long ngày 13/01/2012. Số đăng ký: 02, Quyền số 01/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị **Nguyễn Thị Đ** và anh **Phan Cát L** hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị nhận thấy không thể gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Phan Cát L**. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh **Phan Cát L** đến tham gia phiên hòa giải nhằm giúp đỡ anh chị đoàn tụ nhưng anh **Cát L** đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của chị **Đ**, chứng tỏ anh **Cát L** không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị **Đ**, anh **L** đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Đ** xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy

định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** và anh **Phan Cát L** có 01 con chung tên **Phan Bá V**, sinh ngày 23/9/2008 hiện đang sống chung với anh **L**, chị **Đ** đồng ý để con chung tiếp tục sống chung với anh **L**. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh **L** không có ý kiến về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung và con chung là **Phan Bá V** có văn bản trình bày ý kiến muốn được tiếp tục sống chung với cha. Do đó, để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên cần tiếp tục giao con chung là **Phan Bá V**, sinh ngày 23/9/2008 cho anh **Phan Cát L** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh **Phan Cát Lơ L1** người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu chị **Nguyễn Thị Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Đ** không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ.**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Nguyễn Thị Đ** được ly hôn với anh **Phan Cát Lơ**.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên **Phan Bá V**, sinh ngày 23/9/2008 cho anh **Phan Cát L** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị **Nguyễn Thị Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Đ** có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001089 ngày 15/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân KV4-VL;
- Phòng THA DS Khu vực 4-VL;
- UBND xã Trà Ôn (GCNKH số 01/2012 ngày 13/01/2012)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Nga